TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH XUYÊN** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/HNGĐ-ST
Ngày 12 - 4 - 2018
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Anh Vũ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quang Thái

2. Ông Nguyễn Hữu Lợi

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Tuấn Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 318/2017/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2017 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2018/QĐST - HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1983; cư trú tại: Thôn N, xã Đ, huyện M, Thành phố Hà Nội, "có mặt".

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn Đ, sinh năm 1975; cư trú tại: Thôn Y (nay là thôn Đ1), xã Đ, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, "có mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 11 năm 2017 và những lời khai tiếp theo của nguyên đơn, chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Lê Văn Đ tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc ngày 25 tháng 3 năm 2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị về chung sống cùng gia đình chồng tại xã Đ, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Thời gian chung sống hòa thuận của vợ chồng được mấy tháng đầu, từ cuối năm 2013 đến nay vợ chồng chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau. Nguyên nhân do anh Đ chơi bời, nợ nần nhiều không quan tâm đến cuộc sống, kinh tế gia đình. Chị đã nhiều lần khuyên anh tu trí làm ăn nhưng anh không nghe mà còn đánh đập chị. Chị đã nhiều lần nộp đơn xin ly hôn anh ra Tòa án sau đó được hòa giải để vợ chồng chị về đoàn tụ nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện. Tháng 6 năm 2017, chị đã bỏ về nhà bố đẻ ở xã Đ,

huyện M, Thành phố Hà Nội sống ly thân với anh Đ từ đó cho đến nay không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Lê Gia B, sinh ngày 10 tháng 3 năm 2014, hiện cháu đang ở cùng anh Đ. Ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu B. Chị không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 07 tháng 7 năm 2017 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, bị đơn là anh Lê Văn Đ trình bày:

Anh thừa nhận toàn bộ lời khai của nguyên đơn về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, thời điểm và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng anh là đúng. Anh cũng xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị H không còn nên anh đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của chị H.

Về con chung: Anh thừa nhận vợ chồng anh có 01 con chung như chị H trình bày. Ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Gia B; anh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc tại phiên tòa sơ thẩm:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chị H được ly hôn anh Đ; giao cháu Lê Gia B cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn và giải quyết về con chung với bị đơn là anh Lê Văn Đ ở thôn Y (nay là thôn Đ 1), xã Đ, huyện B nên quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Lê Văn Đ trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Đ là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, quá trình điều tra, xác minh tại địa phương và gia đình ở thôn Y (nay là thôn Đ 1), xã Đ thể hiện: Quá trình chung sống, mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh Đ xảy ra từ cuối năm 2013, nguyên nhân do anh Đ chơi bời, không có công ăn việc làm ổn định, không quan tâm đến cuộc sống, kinh tế gia đình. Vì vậy chị H đã nhiều lần nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án, mặc dù đã được Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh Đ vẫn không thay đổi cũng như không có biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng. Mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị ngày càng trầm trọng, chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống ly thân với anh Đ từ tháng 6 năm 2017 đến nay, không còn sự quan tâm, yêu thương, chăm sóc nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình. Điều đó thể hiện tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh Đ đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, các đương sự đều thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H để giúp các đương sự có điều kiện tạo lập cuộc sống mới.

[3] Về con chung: Các đương sự đều thừa nhận có 01 con chung là cháu Lê Gia B, sinh ngày 10 tháng 3 năm 2014. Ly hôn chị H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu B và không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Đ cũng có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu B và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, anh Đ có nghề nghiệp là lái xe tự do, thường xuyên không có mặt ở nhà, chỗ ở, thu nhập không ổn định. Chị H là người có nghề nghiệp ổn định, chị hiện là công nhân Công ty TNHH cao su Inoue Việt Nam có thu nhập trung bình khoảng từ 7.000.000 đồng - 8.000.000 đồng/tháng, có chỗ ở ổn định tại thôn N, xã Đ, huyện M. Để đảm bảo điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng tốt nhất đối với cháu Lê Gia B là con chung của chị H và anh Đ, cháu mới hơn 4 tuổi còn rất nhỏ, cần sự nuôi dưỡng, chăm sóc trực tiếp của mẹ là chị Nguyễn Thị H. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị H, giao các cháu Lê Gia B cho chị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, vì vậy Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản: Do các đương sự không yêu cầu giải quyết, vì vậy Tòa không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B về giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1, 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Lê Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lê Gia B, sinh ngày 10 tháng 3 năm 2014 (Hiện nay, cháu B đang ở với anh Đ). Anh Lê Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn, không ai được cản trở, gây khó khăn.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2016/0002486 ngày 13 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B. Chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bản án này được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện KSND H.B;
- Chi cục THADS H.B;
- UBND xã Đ, H.B;
- Lưu VT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Anh Vũ